

THÔNG TƯ

Quy định về đồ vật cấm đưa vào trại giam và việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Sau khi trao đổi thống nhất với Bộ Tài chính, Bộ Công an quy định về đồ vật cấm đưa vào trại giam và việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về đồ vật cấm đưa vào trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ (viết tắt là đồ vật cấm) và việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ của Công an nhân dân (gọi chung là trại giam), phạm nhân đang chấp hành án phạt tù tại trại giam và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thu giữ, xử lý đồ vật cấm.

Điều 3. Đồ vật cấm

1. Các loại vũ khí, vật liệu nổ: Vũ khí quân dụng các loại; các loại súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao và các loại vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự; lựu đạn, mìn, vật liệu nổ các loại.

2. Công cụ hỗ trợ: Các loại súng dùng để bắn đạn nhựa, đạn cao su, hơi cay, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, từ trường, la-de, pháo hiệu và các loại đạn sử dụng cho các loại súng này; các loại phương tiện xịt hơi cay, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, chất gây ngứa; các loại lựu đạn khói, lựu đạn cay, quả nổ; các loại dùi cui điện, dùi cui cao su, dùi cui kim loại, bàn chông, dây đinh gai, áo giáp, găng tay điện, găng tay bắt dao, mũ chống đạn và các loại công cụ hỗ trợ khác.

3. Chất gây mê, chất độc, chất cháy, chất gây cháy, chất phóng xạ, hoá chất, độc dược.

4. Các chất ma túy và thuốc tân dược có thành phần gây nghiện.

5. Rượu, bia và các chất kích thích khác.

6. Các đồ dùng bằng kim loại và đồ vật khác như: Dây lưng, dây điện, dây đàn, đồ làm bằng sành sứ, đá, thủy tinh, phích nước, đồ vật sắc nhọn và các vật có thể dùng làm hung khí.

7. Tiền Việt Nam, ngoại tệ, chứng chỉ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý.

8. Các loại giấy tờ khác như: Chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu, hộ khẩu, giấy chứng nhận nghề, bằng cấp, chứng chỉ và các giấy tờ chứng nhận khác.

9. Các loại thiết bị kỹ thuật, điện tử: Các loại máy ghi âm, ghi hình, máy nghe nhìn, điện thoại, bộ đàm.

10. Các loại ấn phẩm: Sách, báo bằng tiếng nước ngoài, các ấn phẩm về tôn giáo, tín ngưỡng chưa qua kiểm duyệt; tranh, ảnh, phim, băng đĩa có nội dung mê tín dị đoan, phản động, đồi trụy; các loại bài lá và các loại sách, báo ấn phẩm gây ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý, giáo dục phạm nhân.

11. Các đồ vật khác có thể gây mất an toàn trại giam, gây nguy hại cho bản thân phạm nhân và người khác, ảnh hưởng xấu đến vệ sinh môi trường hoặc dễ sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Điều 4. Thu giữ, bảo quản đồ vật cấm

1. Khi phát hiện phạm nhân đưa đồ vật cấm vào trại giam, cán bộ có trách nhiệm của trại giam phải lập biên bản, ghi lời khai phạm nhân vi phạm và người làm chứng. Trong biên bản phải mô tả đúng thực trạng số lượng, trọng lượng, chủng loại, hình dáng, kích thước, màu sắc và các đặc điểm khác của vật cấm; đồng thời, niêm phong đồ vật cấm (đối với đồ vật cần niêm phong).

2. Đồ vật cấm đã được thu giữ phải được phải bảo quản nguyên vẹn, có biên bản giao nhận và sổ sách ghi chép đầy đủ, không để mất mát, hư hỏng.

3. Trại giam, trại tạm giam, nhà tạm giữ có trách nhiệm bố trí kho lưu giữ và cán bộ quản lý đồ vật cấm theo quy định.

Điều 5. Xử lý đồ vật cấm

1. Đối với hành vi đưa đồ vật cấm vào trại giam đến mức phải xử lý hình sự thì Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam hoặc Thủ trưởng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện ra quyết định khởi tố vụ án tiến hành các hoạt động điều tra ban đầu theo quy định, sau đó chuyển cho cơ quan điều tra có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Đối với đồ vật cấm là tiền Việt Nam, ngoại tệ, chứng chỉ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý quy định tại khoản 7 Điều 3 Thông tư này thì tịch thu sung quỹ nhà nước; việc tịch thu sung quỹ nhà nước, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 166/2009/TT-BTC ngày 18/8/2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý một số loại tài sản tịch thu sung quỹ nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước.

3. Trong trường hợp có dấu hiệu nghi ngờ đồ vật cấm là chất độc, chất phóng xạ, chất ma túy hoặc tiền Việt Nam, ngoại tệ, chứng chỉ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý là giả thì Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện làm văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền để giám định và xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Đồ vật cấm quy định tại các khoản 5, 6, 9, 10, 11 Điều 3 Thông tư này thì tổ chức tiêu huỷ; đồ vật cấm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 Thông tư này thì lập biên bản chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật; đồ vật cấm quy định tại khoản 8 Điều 3 Thông tư này thì đưa vào kho lưu giữ để khi phạm nhân chấp hành xong án phạt tù thì trả lại cho họ.

5. Việc xử lý đồ vật cấm phải thành lập Hội đồng xử lý, do Giám thị trại giam, Giám thị trại tạm giam làm chủ tịch, Phó Giám thị phụ trách công tác trình sát, Phó Giám thị phụ trách phân trại giam làm Phó Chủ tịch; Đội trưởng trình sát, hồ sơ - giáo dục, Chỉ huy Cảnh sát bảo vệ, Tài vụ - hậu cần và Bệnh xá trưởng làm Ủy viên; ở nhà tạm giữ thì do Trưởng Công an cấp huyện làm Chủ tịch, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện làm Phó Chủ tịch, cán bộ phụ trách nhà tạm giữ làm ủy viên.

Điều 6. Hồ sơ xử lý đồ vật cấm

1. Hồ sơ xử lý đồ vật cấm bị thu giữ bao gồm:

- a) Biên bản thu giữ, niêm phong (nếu cần phải niêm phong) đồ vật cấm;
- b) Biên bản ghi lời khai phạm nhân vi phạm và người làm chứng;
- c) Bản kiểm điểm phạm nhân vi phạm;
- d) Báo cáo của cán bộ thu giữ đồ vật cấm;
- đ) Báo cáo đề nghị hình thức kỷ luật phạm nhân vi phạm;
- e) Quyết định kỷ luật;
- g) Biên bản xử lý đồ vật cấm (biên bản bàn giao, tiêu huỷ vật cấm).

2. Hồ sơ xử lý đồ vật cấm bị thu giữ phải được lưu trong hồ sơ phạm nhân và sao lưu hồ sơ để quản lý tại Đội trình sát theo quy định về chế độ quản lý hồ sơ.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2011.

2. Các Tổng cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám thị trại giam, trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

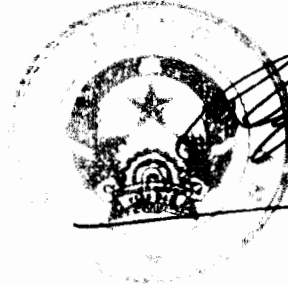
3. Tổng cục trưởng Tổng cục Cảnh sát Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, Công an các đơn vị địa phương báo cáo về Bộ (qua Tổng cục Cảnh sát Thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp) để có hướng dẫn kịp thời. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các Tổng cục, đơn vị thuộc Bộ;
- Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Giám thị trại giam, trại tạm giam;
- Công báo.
- Lưu: VT, C81 (C85), V19. 200b.

BỘ TRƯỞNG



Trung tướng Trần Đại Quang

www.LuatVietnam.vn